

GIAN LẬN TRONG GIAO DỊCH TÍN DỤNG CHỨNG TỪ MỘT SỐ TIẾP CẬN PHÁP LÝ

ThS. Nguyễn Xuân Đạo
Trường ĐH Ngân hàng TP.HCM

Tóm tắt: Nguyên tắc độc lập của thư tín dụng (Letter of Credit – L/C), được hiểu rằng một ngân hàng phát hành (NHPH) có trách nhiệm thanh toán trước một xuất trình phù hợp với các điều khoản của L/C. Tuy nhiên, thực tiễn của hoạt động tài trợ thương mại cho thấy có trường hợp các tòa án vẫn can thiệp vào nguyên tắc đó bằng cách ra lệnh ngăn cản nghĩa vụ thanh toán theo L/C của NHPH. Trong môi trường pháp lý toàn cầu, hiện tồn tại các cách tiếp cận khác nhau về vấn đề này. UCP 600 quy định các ngân hàng chịu trách nhiệm căn cứ vào chứng từ. Luật Anh thì giới hạn trường hợp loại trừ nghĩa vụ thanh toán đối với hành vi gian lận về chứng từ. Trong khi đó, Luật Hoa Kỳ và Quy tắc xét xử tranh chấp về tín dụng thư của Trung Quốc đều mở rộng đến cả các gian lận trong giao dịch cơ sở, bên cạnh các gian lận về chứng từ. Những điểm then chốt này có ý nghĩa quan trọng đối với các ngân hàng đến từ những nước có hệ thống pháp luật kém hoàn chỉnh hoặc họ tuyệt đối đề cao nguyên tắc độc lập của L/C.

Từ khóa: Thư tín dụng (Letter of Credit – L/C); ngân hàng phát hành; nguyên tắc độc lập của L/C; trường hợp loại trừ thanh toán do gian lận, lừa đảo.

Giới thiệu

Khảo sát toàn cầu về thương mại và tài chính năm 2012 của Phòng Thương mại Quốc tế (ICC) đã nhận được phản hồi từ 229 ngân hàng ở 110 quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Kết quả cuộc khảo sát này cho thấy có 26% phản hồi ghi nhận về sự gia tăng số lệnh tòa án dừng việc thanh toán đối với các cam kết thanh toán của ngân hàng trong các giao dịch tín dụng chứng từ (GDTDCT) (ICC, 2012). Vấn đề như vậy đã gây ra các tranh cãi từ nhiều phía về tính độc lập của L/C, trách nhiệm của NHPH và trường hợp loại trừ trách nhiệm thanh toán do gian lận, lừa đảo. Bài viết này tập trung vào các phân tích mang tính so sánh giữa một số nguồn pháp lý đối với các trường hợp loại trừ do gian lận, lừa đảo.

Tính độc lập của L/C là gì?

L/C theo cách hiểu phổ quát nhất, là cam kết thanh toán của ngân hàng đối với xuất trình (các

chứng từ) phù hợp với các điều khoản và điều kiện của cam kết đó. Đây cũng chính là nguyên tắc độc lập của L/C, theo đó L/C độc lập đối với hợp đồng mua bán hay giao dịch mà dựa trên đó L/C đã xuất hiện. Như là hệ quả tất yếu của nguyên tắc này, các ngân hàng chỉ hành động và đưa ra các quyết định dựa trên chứng từ chứ không phải dựa trên hàng hóa, dịch vụ hay giao dịch mà các chứng từ đó có liên quan. Người bán (người thụ hưởng) được cam kết thanh toán từ NHPH với điều kiện anh ta xuất trình các chứng từ phù hợp. Còn ngân hàng, sau khi kiểm tra và suy xét, có thể quyết định chấp nhận hay từ chối các chứng từ (vì các bất hợp lệ). Các quyết định như vậy không phụ thuộc vào người mua (người đề nghị mở L/C).

Tính chất độc lập của L/C được quy định rõ tại Điều 4 (a) của UCP 600 như sau: “A credit by its nature is separate transaction from the sale or other contract on which it may be based. Banks are in no way concerned with or bound by such contract even if any reference whatsoever to it is included in the credit.

Consequently, the undertaking of a bank to honour, to negotiate or to fulfil any other obligation under the credit, is not subject to claims or defences by the applicant resulting from his relationships with the issuing bank or the beneficiary” (ICC, 2006).

(Tạm dịch: Một L/C, về bản chất là giao dịch riêng biệt đối với hợp đồng mua bán hoặc hợp đồng khác mà dựa trên đó L/C được hình thành. Các ngân hàng không liên quan hoặc bị ràng buộc bởi hợp đồng như vậy ngay cả khi L/C có bất cứ dẫn chiếu nào tới hợp đồng đó).

Do vậy, cam kết của một ngân hàng nhằm thanh toán, chiết khấu hoặc thực hiện nghĩa vụ nào đó theo quy định của L/C không tùy thuộc vào các khiếu nại hoặc các biện hộ của người mở (vốn) phát sinh từ các mối quan hệ của anh ta với NHPH hoặc người thụ hưởng).

Điều 5 của UCP 600 tiếp tục làm rõ hơn tính độc lập của L/C với nội dung: “Banks deal with documents and not with goods, services or performance to which the documents may relate” (ICC, 2006).

(Tạm dịch: Các ngân hàng giao dịch bằng chứng từ, chứ không giao dịch bằng hàng hóa, dịch vụ hoặc thực hiện khác mà các chứng từ đó có thể liên quan).

Nguyên tắc độc lập này được chấp nhận phổ biến trên thế giới, song vẫn có những trường hợp tòa án phán quyết NHPH không có trách nhiệm thanh toán do người bán được cho là đã không thực hiện nghĩa vụ nào đó theo quy định của hợp đồng mua bán. Một số ý kiến lập luận rằng điểm mấu chốt của một GDTDCT là nếu người thụ hưởng (người bán) đáp ứng các điều kiện của L/C (cụ thể là xuất trình các chứng từ phù hợp) thì anh ta phải được thanh toán bất chấp bất kỳ tranh chấp nào có thể xảy ra liên quan đến nghĩa vụ giao hàng đến người mua. Phương thức thanh toán tín dụng chứng từ với đặc điểm trên được chính các bên tham gia hợp đồng lựa chọn, chính người mua đã tìm hiểu và chọn người bán để giao kết hợp đồng. Do

đó, theo họ thì các phán quyết tòa án như trên rõ ràng là thiếu chính xác. Vậy nên chẳng các NHPH phải luôn luôn bám sát nguyên tắc độc lập của L/C và thực hiện trách nhiệm thanh toán đối với người thụ hưởng?

Trường hợp loại trừ trách nhiệm thanh toán do gian lận, lừa đảo

Trong GDTDCT bên cạnh nguyên tắc độc lập cũng tồn tại trường hợp loại trừ trách nhiệm thanh toán do gian lận, lừa đảo (sau đây xin gọi vắn tắt là trường hợp loại trừ). Tuy nhiên, trong môi trường pháp lý toàn cầu hiện giờ cũng không có sự phân biệt rõ ràng giữa gian lận thể hiện trên chứng từ và gian lận trong giao dịch cơ sở. Trong bối cảnh như vậy, bài viết này trình bày các quy định liên quan đến gian lận, lừa đảo trong GDTDCT của một số hệ thống pháp lý hoặc có tính pháp lý có ảnh hưởng đáng kể trên thế giới như Quy tắc và thực hành thống nhất Tín dụng chứng từ (UCP 600), điều luật số 5 của Luật Thương mại Thống nhất Hoa Kỳ (UCC), một số án lệ của Anh, Quy tắc xét xử tranh chấp L/C của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (PRC L/C).

Trường hợp loại trừ được đề cập như thế nào trong UCP 600?

Các Điều 7(c), 8(c), 12(b) và 34 của UCP 600 có các quy định liên quan đến vấn đề gian lận nhưng chỉ đề cập ở góc độ trách nhiệm của các ngân hàng. Một cách rõ ràng và mặc nhiên các điều này hạn chế trách nhiệm của các ngân hàng trong việc kiểm tra thông tin trên các chứng từ chứ không chịu trách nhiệm đối với tính hợp lệ, tính xác thực của chứng từ xét về mặt nguồn gốc, về nội dung hay thông tin khai báo trên chứng từ hoặc về hành động của bất kỳ người nào phát hành các chứng từ đó.

Cụ thể Điều 34, UCP 600 quy định: “A bank assumes no liability or responsibility for the form, sufficiency, accuracy, genuineness, falsification or legal effect of any document, or for the general or particular conditions stipulated in a document or superimposed thereon...” (ICC, 2006).

(Tạm dịch: Ngân hàng không có nghĩa vụ và trách nhiệm đối với hình thức, sự hoàn bị, tính chính xác, tính chân thực, sự giả mạo hoặc hiệu lực pháp lý của bất cứ chứng từ nào hoặc đối với các điều kiện chung hoặc điều kiện riêng quy định trong chứng từ hoặc ghi thêm vào chứng từ...).

Theo Mục b của Điều 12 UCP 600, một ngân hàng được chỉ định chấp nhận hối phiếu hoặc thực hiện một cam kết trả sau có quyền trả trước hoặc mua hối phiếu đã được chấp nhận hoặc một cam kết thanh toán trả tiền sau bởi ngân hàng được chỉ định đó. Trong thực tiễn, cụm từ trả trước hoặc mua vừa đề cập phổ biến được gọi là “chiết khấu”.

Cũng nhất quán với Mục b Điều 12, Mục c của Điều 7 UCP 600 xác định nghĩa vụ hoàn trả của NHPH đối với ngân hàng được chỉ định như sau: “An issuing bank undertakes to reimburse a nominated bank that has honoured or negotiated a complying presentation and forwarded the documents to the issuing bank. Reimbursement for the amount of a complying presentation under a credit available by acceptance or deferred payment is due at maturity, whether or not the nominated bank prepaid or purchased before maturity. An issuing banks undertaking to reimburse a nominated bank is independent of the issuing banks undertaking to the beneficiary” (ICC, 2006).

(Tạm dịch: NHPH cam kết hoàn trả cho một ngân hàng được chỉ định đã thanh toán hoặc thương lượng một xuất trình phù hợp và đã chuyển chứng từ đến NHPH. Việc hoàn trả số tiền của bộ chứng từ xuất trình phù hợp theo một tín dụng có giá trị thanh toán bằng chấp nhận hoặc thanh toán sau được thực hiện vào lúc đáo hạn, cho dù ngân hàng được chỉ định đã trả tiền hoặc đã mua trước hạn hay không. Cam kết của NHPH hoàn trả tiền cho ngân hàng được chỉ định độc lập với cam kết của NHPH đối với người thụ hưởng).

Từ đó có thể suy luận ra rằng các ngân hàng không có trách nhiệm đối với tính không chân thực của chứng từ. Các điều này của UCP 600 chỉ nhằm bảo vệ các ngân hàng trong trường

hợp gian lận. Tuy nhiên từ một góc độ khác, các điều này không hữu hiệu trong việc xử lý các vấn đề do gian lận, lừa đảo gây ra trong giao dịch L/C. Việc các ngân hàng không chịu trách nhiệm về tính chính xác và tính chân thực của các chứng từ đã cho (những) người gian lận cơ hội “hoàn hảo” để gian lận. Tất cả việc anh ta cần làm là chuẩn bị bộ chứng từ hoàn hảo, phù hợp với các điều khoản của L/C và xuất trình chúng cho các ngân hàng. Theo UCP 600, sau khi xem xét bộ chứng từ và nếu thấy chúng phù hợp thì việc trước tiên các ngân hàng phải làm là thanh toán. Họ không phải quan tâm tới tính chân thực của chứng từ. Tóm lại, có thể nói rằng UCP 600 hầu như không có quy định nào để ngăn chặn gian lận, lừa đảo.

Xác định trường hợp loại trừ trong pháp luật của Anh

Các tòa án Anh lần đầu tiên xem xét đến bản chất và mức độ của trường hợp loại trừ là trong vụ giữa Mallas and Another với British Imex Industries Ltd. Quan tòa Jenkins xét xử vụ này đã nhấn mạnh rằng nghĩa vụ thanh toán của ngân hàng trong GDTDCT là không hủy ngang bất kể bất kỳ tranh chấp nào giữa người mua và người bán và tòa án không nên can thiệp vào giao dịch thương mại. Do vậy mà một tranh chấp về chất lượng hàng hóa (như trong vụ này) không thể được viện dẫn đến như là trường hợp loại trừ. Vấn đề trường hợp loại trừ không được đề cập mãi cho tới các vụ R.D. Harbottle Ltd với National Westminster Bank Ltd và Edward Owen Engineering Ltd với Barclays Bank International Ltd.

Trong vụ Harbottle (Monteiro và Harle, 2007), quan tòa Kerr lập lại tầm quan trọng của các GDTDCT và bày tỏ quan điểm rằng các tòa án chỉ nên can thiệp trong trường hợp loại trừ khi có các gian lận/lừa đảo đã hình thành. Ông cho rằng người mua phải chịu các rủi ro ngoài các điều kiện/điều khoản của L/C và các tòa án không liên đới tới các khiếu nại của người mua đối với người bán lừa đảo mà anh ta đã chọn để giao dịch. Vụ này thể hiện rõ quan điểm của tòa án về sức mạnh của nguyên tắc độc lập của L/C

với giao dịch cơ sở và cho thấy các tòa án không sẵn sàng can thiệp vào các giao dịch thực tế.

Trong khi đó, quan tòa Denning trong vụ Edward Owen Engineering lại xác định trường hợp loại trừ như sau: “The bank ought not to pay under the credit if it knows that the documents are forged or that the request for payment is made fraudulently in circumstances when there is no right to payment” (Monteiro và Harle, 2007).

(Tạm dịch: Ngân hàng không được thanh toán (cho người thụ hưởng) nếu ngân hàng đó biết rằng các chứng từ bị giả mạo hoặc biết rằng yêu cầu thanh toán mang tính lừa đảo/không trung thực trong hoàn cảnh mà ngân hàng không có quyền thanh toán).

Luận điểm này đã xác định một cách rõ ràng ngân hàng có quyền từ chối thanh toán khi: (i) Các chứng từ gian lận hoặc giả mạo; (ii) Yêu cầu thanh toán mang tính gian lận gắn liền với giao dịch cơ sở. Trường hợp loại trừ đã được xác định rộng hơn “trong những trường hợp (ngân hàng) không có quyền thanh toán” (In circumstances where there is no right to payment). Cách xác định mở rộng như vậy đã làm suy yếu nguyên tắc độc lập của L/C vì nó làm cho các quy định trong hợp đồng mua bán giữa người đề nghị mở L/C và người thụ hưởng trở nên liên quan đến GDTDCT vốn là loại giao dịch mà trong một số trường hợp được tách riêng với các thỏa thuận thương mại.

Vụ tiêu biểu ở Anh liên quan đến trường hợp loại trừ là vụ United City Merchants với Royal Bank of Canada. Trong vụ này quan tòa Diplock cho rằng: “To this general statement of principle of independence as to the contractual obligations of the confirming bank to the seller, there is one exception: that is, where the seller, for the purpose of drawing on the credit, fraudulently presents to the confirming bank documents that contain, expressly or by implication, material representations of fact that to his knowledge are untrue” (Monteiro và Harle, 2007).

(Tạm dịch: Đối với nhận xét chung này về nguyên tắc độc lập (của L/C), về nghĩa vụ (thanh toán) của ngân hàng xác nhận đối với người bán có một loại trừ: đó là, khi người bán, vì mục đích thanh toán, xuất trình một cách gian lận đến ngân hàng xác nhận các chứng từ chứa đựng, một cách rõ ràng hoặc tiềm ẩn, các xuất trình mà đối với hiểu biết của anh ta là không có thật).

Như vậy, Diplock đã xác định rằng trường hợp loại trừ trách nhiệm thanh toán trong giao dịch L/C được giới hạn ở các trường hợp gian lận hoặc các xuất trình mà người thụ hưởng biết là không trung thực.

Các quy định liên quan của Luật Thương mại Thống nhất của Hoa Kỳ

Điều 5 của Luật Thương mại Thống nhất (sửa đổi năm 1995) của Hoa Kỳ, cụ thể là tại phần 5-109 của điều này, đã quy định rằng khi (hành vi) gian lận bị phát hiện thì một GDTDCT có thể bị phá vỡ theo hai cách khác nhau: (i) Do sự từ chối thanh toán của NPHH đối với một xuất trình; (ii) Do người đề nghị mở L/C yêu cầu một tòa án ra lệnh dừng thanh toán hoặc ngăn cấm xuất trình có gian lận (Gao và Buckley, 2002).

Bên cạnh đó, các quy định này cũng đã góp phần giải quyết các vấn đề vốn gây tranh cãi trước đây trong việc áp dụng quy tắc áp dụng trường hợp loại trừ. Đó chính là tiêu chuẩn để đánh giá hành vi gian lận. Căn cứ vào phần 5-109 của Điều 5, điều kiện để áp dụng quy tắc trường hợp loại trừ do gian lận chính là gian lận phải là gian lận chứng từ (American Law Institute và National Conference of Commissioners on Uniform State Laws, 2001).

Ngoài ra, các quy định này cũng xác định bốn bên có thể được miễn trách nhiệm do áp dụng quy tắc trường hợp loại trừ. Bốn bên này bao gồm: (i) Người được chỉ định thanh toán/trả tiền bằng thiện chí và không nhận ra gian lận; (ii) Người xác nhận thanh toán cho xác nhận của anh ta bằng thiện chí; (iii) Người cầm hối phiếu đòi tiền theo L/C mà hối phiếu đã được chấp nhận bởi

người phát hành (L/C) hoặc người được chỉ định; (iv) Người được ủy quyền về nghĩa vụ thanh toán sau của người phát hành (L/C) hoặc của người được chỉ định và không nhận biết được sự giả mạo hoặc gian lận chứng từ sau khi nghĩa vụ (thanh toán đó) được chịu trách nhiệm bởi người phát hành hoặc người được chỉ định.

So với Điều 5 cũ của UCC trước đây (1957), thì việc xác định tất cả bốn bên này có thể được miễn trách nhiệm là một bước tiến đáng kể của điều 5, UCC sửa đổi. Bởi vì Điều 5 cũ chỉ thừa nhận chỉ một trong bốn bên là có thể được miễn trách nhiệm trong trường hợp loại trừ.

Trường hợp loại trừ trong Quy tắc xét xử tranh chấp về tín dụng thư của Trung Quốc

Nguồn luật hiện hành cơ bản điều chỉnh giao dịch L/C ở Trung Quốc là Quy tắc xét xử tranh chấp L/C của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (Credit Dispute Cases) sau đây gọi tắt là PRC L/C. Nguồn pháp lý này có hiệu lực từ ngày 01/01/2006 được sử dụng để giải quyết các tranh chấp trong giao dịch L/C. Các Điều 8, 9 và 10 của PRC L/C bao gồm những quy định chủ yếu liên quan đến các trường hợp loại trừ do gian lận.

Điều 8 của PRC L/C được soạn thảo dựa trên các nguyên tắc và các yếu tố cấu thành hành vi gian lận dân sự trong Các nguyên tắc chung của Luật Dân sự của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (General Principles of the Civil Law of the Peoples Public of China) và nó cũng tham chiếu tới các trường hợp loại trừ trong hệ thống luật án lệ của các nước khác.

Theo Điều 8 (Ruiqiao, 2009), các trường hợp sau được xem cấu thành (hành vi) gian lận trong giao dịch L/C: (i) Người thụ hưởng làm giả mạo hoặc đưa thông tin sai lệch vào bất kỳ chứng từ xuất trình nào; (ii) Người thụ hưởng, có ý đồ lừa gạt, không giao hàng hoặc giao hàng hóa không có giá trị; (iii) Người thụ hưởng, âm mưu thông đồng với người đề nghị mở L/C hoặc với bất kỳ (các) bên thứ ba nào, xuất trình chứng từ trong khi không có giao dịch thực tế nào xảy ra;

(iv) Các trường hợp khác liên quan đến hành vi gian lận/lừa đảo theo một L/C.

Nhìn chung, Điều 8 đã mang đến một cách tiếp cận rộng khi các gian lận cố ý liên quan tới hàng hóa (tức giao dịch cơ sở) rõ ràng được xem là trường hợp gian lận của giao dịch L/C. Cách tiếp cận này tương đồng với Điều 5, UCC của Hoa Kỳ. Theo Hashim và Othman (2011) thì tiêu chuẩn về gian lận theo quy định của PRC L/C có ngữ cảnh khá rộng khi cụm từ “giao hàng không có giá trị” có thể được hiểu là “hàng được giao khác (biệt) hoặc kém phẩm chất tới mức chúng hầu như không có giá trị trong giao dịch L/C liên quan”. Do vậy, theo luật Trung Quốc các trường hợp như hàng giao không có chất lượng (không phù hợp về mặt phẩm chất) hoặc thiếu hụt về số lượng không thể được xem là trường hợp loại trừ. Bên cạnh đó, Điều 8 quy định quá tổng quát với cụm từ trường hợp khác (other circumstances), cách quy định như thế này góp phần làm cho Điều 8 có thể gây ra sự nhập nhằng, mơ hồ trong việc xác định các trường hợp gian lận.

Tại Điều 9 của PRC L/C, người đề nghị mở L/C, NHPH hoặc các bên có liên quan có thể yêu cầu một tòa án nhân dân có thẩm quyền ra lệnh đình chỉ việc thanh toán theo một L/C nếu họ thấy rằng các trường hợp nêu ở Điều 8 xảy ra và gây ra các tổn thất không thể đền bù được đối với họ (Ruiqiao, 2009).

Trong các trường hợp loại trừ được xác định, các ngân hàng phải dừng thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo L/C. Song PRC L/C đưa ra các loại trừ mà ở đó việc thanh toán có thể không bị ngăn cản nếu các NHPH, ngân hàng thanh toán, ngân hàng xác nhận hoặc ngân hàng thương lượng thực hiện nghĩa vụ đó với thiện chí (Hashim và Othman, 2011). Một cách cụ thể, Điều 10 của PRC L/C xác định bốn trường hợp sau: (i) Người được chỉ định, hoặc người được ủy quyền của NHPH thực hiện thanh toán bằng thiện chí theo các hướng dẫn của NHPH; (ii) NHPH hoặc người được chỉ định hoặc người được ủy quyền của NHPH chấp nhận hối phiếu

(theo L/C) bằng thiện chí; (iii) Ngân hàng xác nhận thực hiện thanh toán bằng thiện chí; (iv) Ngân hàng thương lượng thương lượng (L/C) bằng thiện chí.

Như thế nào là thiện chí (good faith)? Theo Các nguyên tắc chung của Luật Dân sự của nước này thì trung thực và thiện chí có nghĩa là trong các hoạt động dân sự các chủ thể có những quyền (dân sự) phải nói rõ các quyền đó là gì (cụ thể về tên gọi), tuyệt đối tuân thủ các cam kết, không thực hiện lừa đảo, không đánh tráo hàng hóa có chất lượng tồi thành hàng hóa có chất lượng tốt, không làm tổn hại các lợi ích luật định của nhà nước, tập thể hoặc cá nhân và căn cứ theo các quy định của luật hoặc hợp đồng, thực hiện các nghĩa vụ của họ (Rou, 1989).

Kết luận

Tóm lại, UCP 600 không trực tiếp quy định về các trường hợp loại trừ do gian lận, lừa đảo trong giao dịch cơ sở. Nội dung xuyên suốt UCP 600 cho thấy rằng các ngân hàng trong GDTDCCT

chỉ hành động và có trách nhiệm thanh toán dựa trên chứng từ chứ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp gian lận trong giao dịch cơ sở. Trong khi đó thì PRC L/C của Trung Quốc khá tương đồng với các quy định của Luật Thống nhất Thương mại của Hoa Kỳ trong việc xem gian lận trong giao dịch cơ sở có quan hệ với gian lận trong GDTDCCT. Các tòa án trong phạm vi thẩm quyền của mình có thể ra lệnh yêu cầu NHPH dừng thanh toán cho một L/C. Song PRC L/C cũng có thể gây ra sự lúng túng cho các bên liên quan đến tranh chấp khi mà nội dung của Điều 8 khá mơ hồ như phân tích ở phần trên. Còn cách tiếp cận của hệ thống luật Anh rõ ràng là khác biệt vì Anh thuộc hệ thống thông luật (common law), dựa trên các án lệ. Luật Anh chỉ hạn chế trường hợp gian lận ở phạm vi các gian lận về mặt chứng từ, không bao gồm các gian lận liên quan đến hàng hóa. Việc nắm vững quy định của các hệ thống luật về tính độc lập của L/C, trách nhiệm của NHPH và trường hợp loại trừ trách nhiệm thanh toán do gian lận, lừa đảo có tầm quan trọng đối với các ngân hàng trong các GDTDCCT với mục tiêu hạn chế các rủi ro pháp lý ■

Tài liệu tham khảo

1. American Law Institute & National Conference of Commissioners on Uniform State Laws. 2001. *The Uniform Commercial Code - Article 5*. www.law.cornell.edu/ucc/pdf/ucc5.pdf.
2. Gao, X. & Buckley, R., P. (2002). *The Development of the Fraud Rule in Letter of Credit Law: the Journey so far and the Road Ahead*. *University of Pennsylvania Journal of International Economic Law*, pp. 663-712.
3. Hashim, R., B., C. & Othman, A., A. (2011). *Principle of Autonomy In Letter Of Credit (L/C) With Special Reference To Malaysian Practice*. *IIU Law Journal*.
4. *International Chamber of Commerce - ICC (2006). Uniform Customs and Practice for Documentary Credits UCP 600*.
5. *International Chamber of Commerce - ICC (2012). ICC Global Survey on Trade Finance 2012 - Rethinking Trade and Finance*.
6. Monteiro, F. & Harle, W. (2007). *Documentary Credits: the Autonomy Principle and the Fraud Exception - A Comparative analysis of common law approaches and suggestions for New Zealand*. *Auckland University Law Review 2007: Volume 13*.
7. Rou, T. (1989). *The General Principles of Civil Law of the PRC: Its Birth, Characteristics, and Role*. *Law and Contemporary Problems*, Vol 52: No. 2.
8. Ruiqiao, Z. (2009). *A Comparative Study of the Fraud Exception Rule of the Letter of Credit: Proposed Amendments to the Chinese Credit System*. digitool.library.mcgill.ca/thesisfile87020.pdf.